

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 223/2019/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 9 năm 2019
Về việc: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chiến

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Huyền Trang là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 640/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 677/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn K D, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện T, tỉnh C

Bị đơn: Anh Phạm H N, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 6, xã A, thành phố C, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn K D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm H N kết hôn với nhau vào năm 2008, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh C. Nguyên nhân mâu thuẫn là trong thời gian chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể đoàn tụ được, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau do bất đồng quan điểm sống. Nhận thấy, vợ chồng không còn yêu thương nhau nên đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D xác định không có.

Đối với bị đơn anh Phạm H N: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ để hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử nhưng anh N vẫn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Phạm H N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn K D và anh Phạm H N kết hôn với nhau vào năm 2008, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh C. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh N được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

Tại phiên tòa, chị D xác định không còn tình cảm yêu thương anh N, hôn nhân không còn hạnh phúc, chị D mong muốn được ly hôn với anh N và khẳng định đời sống hôn nhân không thể duy trì, trường hợp tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã ly thân với nhau khoảng 10 năm. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị D được ly hôn với anh N.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

[4] Về án phí: Chị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng: Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn K D được ly hôn với anh Phạm H N.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị D phải chịu 300.000 đồng. Ngày 22/7/2019 chị D đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0000485 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh C, được chuyển thu đối trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- UBND xã A, thành phố Cà Mau;
- UBND xã T, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kiều Trang

